

Số: 8132 /BKHDĐT-TH

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
40/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tại Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 07/8/2023 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2023, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2020/NĐ-CP (Nghị định) theo trình tự, thủ tục rút gọn trong tháng 10 năm 2023.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đối với hồ sơ đề xuất xây dựng Nghị định¹, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Nghị định (gửi kèm theo).

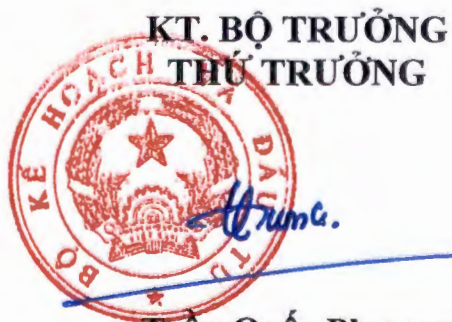
Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật², Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, có ý kiến đối với dự thảo Nghị định nêu trên. Ý kiến của Quý Cơ quan xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản và vào hòm thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn trước ngày 09/10/2023 để hoàn thiện, gửi Bộ Tư pháp thẩm định để trình Chính phủ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 07/8/2023.

Đối với những kiến nghị liên quan đến quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước do các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phản ánh³ không thuộc thẩm quyền của Chính phủ, đề nghị Quý Cơ quan tham gia ý kiến trong quá trình sửa đổi các Luật có liên quan.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTCP Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Các Vụ: KTĐPLT, TCTT, KTCNDV, KTNN, PTHĐT, QLKKT, GS&TĐĐT, KTĐN, LĐVHXH, KHGDTNMT, QLQH, QPAN, PC;
- Cục KHTT, Văn phòng Bộ;
- Trung tâm CNTT và CDS (để đăng tải trên trang thông tin của Bộ);
- Lưu VT, Vụ TH. **705**

**Trần Quốc Phương**

¹ Kèm theo văn bản số 4382/BKHĐT-TH ngày 12/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

² Khoản 2 Điều 148 về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định: “Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo văn bản. Trong trường hợp lấy ý kiến thì thời hạn lấy ý kiến không quá 20 ngày.”

³ Các vấn đề như: Quy định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch hằng năm vốn NSDP cần sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công, quy định thời hạn điều chỉnh kế hoạch hằng năm sau ngày 15 tháng 11 năm hiện tại cần sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 40/2020/NĐ-CP
NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUY ĐỊNH
CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“Trường hợp chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện khi chương trình, dự án có thay đổi về mục tiêu, quy mô, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn, vượt tổng mức đầu tư so với tổng mức đầu tư tại quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.”

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 31 như sau:

“Thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán dự án kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- a) Đối với dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;
b) Đối với dự án nhóm B: Không quá 10 ngày;
c) Đối với dự án nhóm C: Không quá 5 ngày.”

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 36 như sau:

“Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định Điều 55 của Luật Đầu tư công, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư trung

hạn, báo cáo bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội.”

4. Sửa đổi khoản 4 Điều 44 như sau:

“Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch vốn được giao theo quy định của Luật Đầu tư công.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

“1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau trong các trường hợp sau:

- a) Dự án quan trọng quốc gia;
- b) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng;
- c) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí kế hoạch vốn năm sau. Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí đủ vốn trong năm kế hoạch để hoàn thành nhưng không được bố trí kế hoạch vốn năm sau.
- d) Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau;
- đ) Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép;
- e) Dự án cơ quan đại diện và cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;
- g) Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã được bố trí đủ vốn trước thời điểm kết thúc giải ngân theo quy định của điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế hoặc theo quy định của nhà tài trợ và thời điểm kết thúc giải ngân được kéo dài hoặc kết thúc vào năm sau năm kế hoạch;
- h) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ có duy nhất 01 dự án hoặc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư trong năm kế hoạch hoặc không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch;
- i) Nhiệm vụ quy hoạch;
- k) Các khoản dự toán chi đầu tư phát triển được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm kế hoạch.

2. Căn cứ đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách trung ương của bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

“1. Các quy định sử dụng chung:

a) Thông tin, dữ liệu được thu thập, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công là thông tin, dữ liệu, tài liệu gốc của các chương trình, dự án, kế hoạch đầu tư công. Trường hợp số liệu bản giấy và trên Hệ thống khác nhau thì thông tin trên Hệ thống là cơ sở để lập, thẩm định, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công, theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công;

b) Dự án đầu tư công không được giải ngân nếu không có danh mục và số liệu giao kế hoạch hằng năm trên Hệ thống;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng Hệ thống chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu do cơ quan báo cáo, cập nhật trên Hệ thống;

d) Tổ chức, cá nhân sử dụng Hệ thống phải sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong việc xác nhận thông tin, dữ liệu cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công, ký gửi báo cáo trên Hệ thống;

đ) Quy định tại Điều này không áp dụng đối với các dự án có yêu cầu bí mật Nhà nước.

2. Quy định về tài khoản sử dụng Hệ thống:

a) Tài khoản sử dụng được quản lý tập trung trên Hệ thống do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công được đăng ký tài khoản sử dụng Hệ thống. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp tài khoản dựa trên thông tin đăng ký và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống;

c) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương được cấp tài khoản sử dụng Hệ thống để theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến chương trình, dự án, kế hoạch đầu tư công của cơ quan mình;

3. Các trình tự, thủ tục phải thực hiện trên Hệ thống bao gồm:

a) Lập, thẩm định, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Lập, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm;

c) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công;

d) Theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công;

đ) Quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu theo quy định.

4. Chia sẻ và đồng bộ hóa dữ liệu

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chia sẻ và đồng bộ hóa thông tin về kế hoạch đầu tư công đã giao trên Hệ thống với Hệ thống TABMIS hoặc các hệ thống ứng dụng khác của Bộ Tài chính để cung cấp kế hoạch vốn đầu tư công

trung hạn và hằng năm của các dự án được kiểm soát, thanh toán qua Kho bạc Nhà nước, nhằm hỗ trợ cho việc kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước;

b) Bộ Tài chính có trách nhiệm chia sẻ và đồng bộ hóa thông tin về giải ngân của từng dự án đầu tư được kiểm soát, thanh toán qua Kho bạc Nhà nước trên Hệ thống TABMIS hoặc các hệ thống ứng dụng khác của Bộ Tài chính và Hệ thống của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để làm cơ sở báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương và địa phương.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính